

Tiểu Luận Công Chứng Các Hợp Đồng Về Biện Pháp Đảm Bảo Thực Hiện Nghĩa Vụ

1.1. Những mặt đạt được trong việc công chứng hợp đồng, giao dịch có yếu tố nước ngoài

Ngày nay trong sự phát triển khách quan của mối quan hệ giữa các quốc gia cũng như giữa các cá nhân, pháp nhân giữa các quốc gia, cùng với các yếu tố lịch sử đã dẫn đến một hệ quả tất yếu là sự hiện diện của những người không cùng quốc tịch trên lãnh thổ của mỗi quốc gia. Để xác lập địa vị pháp lý, quyền và nghĩa vụ của những người đang sinh sống trên lãnh thổ, pháp luật của hầu hết quốc gia đều xác định công dân là người mang quốc tịch của quốc gia mình, còn những người không mang quốc tịch của quốc gia sở tại được xác định là người nước ngoài.

Có thể nói trong nền kinh tế thị trường phát triển nhanh và mạnh mẽ như hiện nay, nhu cầu giao dịch, trao đổi, không ngừng tăng, công chứng thực sự là công cụ pháp lý gần gũi trực tiếp, giúp bảo đảm an toàn pháp lý cho các cá nhân, tổ chức. Xuất phát từ nội dung, chức năng của công chứng, có thể thấy, hoạt động công chứng có những vai trò to lớn, là công cụ đảm bảo an toàn pháp lý và phòng ngừa các tranh chấp có thể xảy ra; là công cụ quản lý Nhà nước trong một số lĩnh vực; đồng thời công chứng tạo lập và cung cấp chứng cứ cho hoạt động tố tụng. Hoạt động công chứng được thực hiện nhằm đảm bảo an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch, ngăn ngừa vi phạm pháp luật, phòng ngừa tranh chấp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các cá nhân tổ chức liên quan. Bên cạnh đó, công chứng còn có chức năng tạo lập và cung cấp các chứng cứ cho hoạt động tài phán. Pháp luật công chứng đã thể hiện chức năng này thông qua việc đề cao giá trị pháp lý của văn bản công chứng, cụ thể Khoản 3 Điều 5 Luật Công chứng 2014 quy định: “*Hợp đồng, giao dịch được công chứng có giá trị chứng cứ; những tình tiết, sự kiện trong hợp đồng, giao dịch được công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố là vô hiệu*”. Chức năng này được xuất phát từ việc những thỏa thuận, tình tiết sự kiện trong văn bản công chứng đã được công chứng viên xác nhận tính xác

thực và tính hợp pháp theo một thủ tục chặt chẽ do pháp luật quy định. Chính vì vậy, mà văn bản công chứng không thể tùy tiện bị hủy bỏ mà phải tuân theo quy định của pháp luật cụ thể; qua đó, thể hiện bản chất của hoạt động công chứng là hoạt động hỗ trợ tư pháp, một biện pháp bảo đảm an toàn pháp lý chứ không phải là một thủ tục hành chính.

1.2. Những tồn tại, hạn chế và kiến nghị hoàn thiện trong việc công chứng hợp đồng, giao dịch có yếu tố nước ngoài

Cùng với sự phát triển của xã hội và xu hướng hội nhập, toàn cầu hoá ngày một lớn mạnh đòi hỏi sự phát triển quan hệ hợp tác giữa các quốc gia trên mọi lĩnh vực và ở các cấp độ khác nhau là rất cần thiết. Sự hợp tác này làm phát sinh ngày một nhiều các vấn đề, tiêu biểu là vấn đề về dân sự nói chung và vấn đề về quan hệ thừa kế theo di chúc có yếu tố nước ngoài nói riêng.

Đồng thời, trước bối cảnh đó đã làm gia tăng hết sức mạnh mẽ các giao lưu về dân sự có yếu tố nước ngoài đòi hỏi phải được pháp luật điều chỉnh. Trong đó có quan hệ thừa kế nói chung và quan hệ thừa kế theo di chúc có yếu tố nước ngoài nói riêng. Cụ thể, các tranh chấp về thừa kế nói chung và tranh chấp về thừa kế theo di chúc có yếu tố nước ngoài nói riêng có xu hướng ngày càng tăng trong thực tế với tính chất ngày càng phức tạp. Sự áp dụng pháp luật không thống nhất giữa các cấp Tòa án, sự hiểu biết pháp luật còn hạn chế của các cá nhân là những yếu tố làm cho tranh chấp về thừa kế theo di chúc ngày một tăng đồng thời làm cho các vụ kiện tranh chấp về thừa kế bị kéo dài, không dứt điểm. Hơn nữa, khi đời sống vật chất của con người càng cao, người ta càng nghĩ đến việc định đoạt tài sản như thế nào trước khi chết thông qua việc lập di chúc. Trong khi đó, vấn đề thừa kế theo di chúc có yếu tố nước ngoài phát sinh thì đặt ra vấn đề là có thể nhiều pháp luật của các nước khác nhau liên quan đến quan hệ đó đều có thể được áp dụng để điều chỉnh quan hệ này, bởi vậy mà dẫn đến tình trạng xung đột pháp luật giữa các nước. Tình trạng xung đột pháp luật giữa các nước có liên quan có khi dẫn đến sự mâu thuẫn giữa các nước với nhau, và có thể ảnh hưởng đến tình hình hợp tác giữa các nước ở hiện tại và trong tương lai. Vì khi hiện tượng xung đột pháp luật giữa các nước xảy ra thì nước nào cũng muốn giành quyền lợi về

mình, quyền lợi thuộc về công dân mình và thông thường thì giữa các nước này đa phần là đều muốn pháp luật của nước mình được áp dụng.

Bên cạnh một số điểm nổi bật mà Bộ luật Dân sự 2015 đã xây dựng được, liên quan đến cách xác định pháp luật áp dụng đối với hợp đồng có yếu tố nước ngoài, vẫn còn tồn tại những quy định chưa được triển khai cụ thể, đưa đến cách hiểu không thống nhất, gây ra một số hạn chế trong quá trình áp dụng trên thực tiễn. Vì vậy, tác giả sẽ đưa ra một số đề xuất để hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

Thứ nhất, cần bổ sung quy định về điều kiện áp dụng pháp luật nước ngoài cho hợp đồng có yếu tố nước ngoài trong trường hợp các bên có thỏa thuận chọn luật

Việc pháp luật Việt Nam thừa nhận quyền tự do chọn luật của các bên để áp dụng cho hợp đồng có yếu tố nước ngoài là cách quy định phù hợp với pháp luật của các nước trên thế giới. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả, để quyền chọn luật của các bên thực sự phát huy hiệu lực trên thực tế và để pháp luật nước ngoài có khả năng cao được các thẩm phán Việt Nam áp dụng thì cần phải xây dựng các quy định chi tiết về điều kiện chọn luật đối với các bên trong quan hệ hợp đồng. Với sự hiện diện của các quy định chi tiết này, Tòa án sẽ có cơ sở để áp dụng pháp luật nước ngoài trong những trường hợp đáp ứng được các điều kiện đặt ra, cũng như có thể từ chối áp dụng pháp luật nước ngoài một cách minh bạch và hợp lý nếu pháp luật được lựa chọn không đáp ứng được điều kiện chọn luật. Điều này sẽ hạn chế được tình trạng đa số thẩm phán đều tránh né việc xem xét các tình tiết thể hiện yếu tố nước ngoài trong vụ việc cũng như bỏ qua việc áp dụng pháp luật nước ngoài khi xét xử như hiện nay.

Pháp luật Việt Nam có thể học tập những mô hình này để xây dựng những quy định tương tự. Có thể điểm qua một số điều kiện phổ biến như sau:

(i) Về hình thức của thỏa thuận chọn luật: Cho phép các bên có thể thể hiện sự thỏa thuận của mình bằng một điều khoản rõ ràng trong hợp đồng hoặc các bên cũng có thể thỏa thuận ngầm với nhau theo từng trường hợp cụ thể. Tòa án khi xét xử vụ việc sẽ có thể chấp nhận sự thỏa thuận ngầm này nếu như các đương sự có thể chứng minh được sự

thoả thuận này. (ii) Về phạm vi áp dụng pháp luật được chọn: các bên trong hợp đồng có thể thoả thuận lựa chọn luật để điều chỉnh một phần hoặc toàn bộ hợp đồng. Tức là một hợp đồng có thể được điều chỉnh bởi pháp luật của nhiều nước khác nhau, phụ thuộc vào sự lựa chọn của các bên tham gia hợp đồng.

(iii) Việc thoả thuận chọn luật của các bên không được ảnh hưởng đến việc áp dụng các “quy phạm bắt buộc”. Khái niệm này không đơn giản để có thể định nghĩa và nhận diện. Tuy nhiên liên quan đến điều kiện này, các học giả Việt Nam đã từng tìm hiểu và đề cập trong những công trình nghiên cứu trước đây. “Đây là quy phạm điều chỉnh trực tiếp một số quan hệ có yếu tố nước ngoài. Mục đích chính của quy phạm áp dụng bắt buộc là để bảo vệ cơ cấu tổ chức hoạt động xã hội, kinh tế, chính trị của nước mà nó được thiết lập. Trong thực tế, quy phạm áp dụng bắt buộc là những quy phạm quốc nội mà vai trò tự nhiên của nó là điều chỉnh các quan hệ trong nước, nhưng chúng được áp dụng bắt buộc để điều chỉnh trực tiếp một vài chi tiết của quan hệ có yếu tố nước ngoài, đồng thời làm vô hiệu hoá các quy phạm xung đột đáng lẽ được áp dụng”²³. Cũng theo các tác giả này, những quy định về ngoại hối của Việt Nam cũng có thể được coi là một loại quy phạm pháp luật bắt buộc. Như vậy, pháp luật Việt Nam cần bổ sung quy định về việc tuân thủ quy phạm pháp luật bắt buộc trong những trường hợp có liên quan.

Thứ hai, cần xây dựng các quy định chi tiết hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 về cách xác định pháp luật áp dụng cho hợp đồng có yếu tố nước ngoài trong trường hợp các bên không có thoả thuận chọn luật áp dụng.

“Trong trường hợp không xác định được nơi có mối liên hệ gần bó nhất với hợp đồng theo khoản 2 Điều 683 hoặc hợp đồng trùng khớp với nhiều hơn một dấu hiệu được liệt kê ở khoản này thì pháp luật áp dụng cho hợp đồng là pháp luật của nước nơi bên thực hiện nghĩa vụ chính của hợp đồng cư trú”.

Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 683 là một điều khoản khá hay nhằm để mở cho các chủ thể áp dụng pháp luật trong trường hợp “*chứng minh được pháp luật của nước khác với pháp luật được nêu tại khoản 2 Điều này có mối liên hệ gần bó hơn với hợp đồng thì pháp luật áp dụng là pháp luật của nước đó*”. Cách quy định này có ý nghĩa hướng hợp

đồng đến một hệ thống pháp luật có mối liên hệ rõ ràng, thực chất, đảm bảo quyền lợi của các bên có liên quan. Tuy nhiên, đề quy định này có thể triển khai trên thực tế cần có sự hướng dẫn rõ ràng hơn. Cụ thể, ai sẽ là chủ thể chứng minh pháp luật của một nước có mối liên hệ gần bó hơn so với quy định của pháp luật? Và tính chất “gần bó hơn” cần được hiểu và nhận diện như thế nào? Nếu chỉ quy định một cách khái quát như hiện nay thì e rằng quy định này sẽ khó được các thẩm phán áp dụng trong thực tiễn xét xử. Theo quan điểm của tác giả, nên quy định nghĩa vụ chứng minh thuộc về các đương sự. Nếu đương sự muốn áp dụng một hệ thống pháp luật có sự gần bó chặt chẽ hơn với quan hệ mà mình tham gia, đương sự có nghĩa vụ phải chứng minh sự gần bó đó. Tòa án sẽ dựa vào những tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp để đưa ra quyết định cuối cùng.

Thứ ba, thực hiện các ủy quyền do các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận

Nhiều công dân Việt Nam ở nước ngoài ủy quyền cho công dân trong nước thực hiện các giao dịch định đoạt bất động sản và tài sản khác tại Việt Nam. Về việc thẩm quyền chứng nhận của các cơ quan đại diện đối với các văn bản ủy quyền được thể hiện trong các văn bản nêu sau đây:

Điều 78 Luật Công chứng 2014 quy định: Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có thẩm quyền công chứng các hợp đồng, giao dịch theo quy định của Luật Công chứng và pháp luật về lãnh sự, ngoại giao, trừ hợp đồng mua bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp bất động sản, hợp đồng góp vốn bằng bất động sản, văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản là bất động sản.

Điều 8 Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ban hành năm 2009 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài thực hiện nhiệm vụ công chứng, chứng thực phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận là thành viên.

Như vậy, về hình thức và nội dung của văn bản ủy quyền của cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Luật Công chứng 2014.

Thứ tư, giải quyết các trường hợp có xung đột pháp luật giữa pháp luật nước ngoài và pháp luật Việt Nam

Trong thực tiễn, có những yêu cầu công chứng có liên quan đến việc lựa chọn quy định pháp luật của Việt Nam hay pháp luật của nước ngoài để áp dụng. Ví dụ: Một người nước ngoài đến yêu cầu công chứng thì theo Điều 680 của Bộ luật Dân sự 2015, năng lực hành vi dân sự của cá nhân là người nước ngoài được xác định theo pháp luật của nước mà người đó là công dân.

Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là người nước ngoài được xác định theo pháp luật của nước mà người đó có quốc tịch (Điều 673 Bộ luật Dân sự 2015).

Nếu có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối di sản của người nước ngoài là động sản tại Việt Nam thì phải tuân theo pháp luật của nước mà người để lại di sản thừa kế có quốc tịch trước khi chết (Điều 680). Để giải quyết các trường hợp tương tự thì phải căn cứ vào các quy định tại Phần thứ 5 của Bộ luật Dân sự về pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài: Từ Điều 663 đến Điều 687 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra để đảm bảo thống nhất về nhận thức và thực hiện đúng quy định của pháp luật về công chứng hợp đồng, giao dịch có yếu tố nước ngoài trong thời gian tới các tổ chức hành nghề công chứng cần:

- Công chứng viên phải “thật sự bình tĩnh, tôn trọng chú ý lắng nghe chủ động để nắm bắt yêu cầu công chứng. Khi thực hiện công chứng công chứng viên phải xác định cho đúng những giấy tờ cần phải có; kiểm tra, đánh giá những tài sản đã đầy đủ, hợp lệ hay chưa; việc tham gia của các chủ thể có đảm bảo sự tự nguyện, minh mẫn và tình trạng sáng suốt hay không? Đồng thời phải nắm vững những quy định pháp luật chung Bộ luật dân sự, Luật công chứng và những quy định pháp luật chuyên ngành liên quan”.

Dịch vụ viết đề tài trọn gói Zalo/tele : 0909232620 – teamluanvan.com

- Cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến các văn bản liên quan đến công chứng hợp đồng, giao dịch có yếu tố nước ngoài. Cần xây dựng đội ngũ vững mạnh cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật trong tình hình mới; Sử dụng có hiệu quả và sáng tạo các hình thức, biện pháp là phương tiện phổ biến, giáo dục pháp luật; Cần có sự đầu tư về cơ sở vật chất cho công tác phổ biến và giáo dục pháp luật.

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại teamluanvan.com